TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2023
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đức

2. Ông Nguyễn Ngọc Tòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Ngọc D**, sinh năm 1991. Địa chỉ: số A, tổ D, khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2023 nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc D trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh C qua quen biết tìm hiểu nhau, anh chị sống chung như vợ chồng vào năm 2013, không tổ chức lễ cưới; không tặng cho nữ trang; không đăng ký kết hôn. Có 01 con chung tên Huỳnh Thiên L, sinh ngày 14/11/2015, hiện sống với chị. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị không tạo lập được tài sản chung nào; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến thường gây gỗ nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo nhau thay đổi, hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành, từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc; hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không

ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Minh C. Về con chung: Huỳnh Thiên L, sinh ngày 14/11/2015, chị yêu cầu giải quyết cho chị được quyền nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2023 cháu Huỳnh Thiên L trình bày:* cha cháu tên Nguyễn Minh C, mẹ cháu tên Huỳnh Thị Ngọc D cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị D và anh C là vợ chồng. Về con chung: giao Huỳnh Thiên L cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng; anh C chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở; Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí buộc chị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Huỳnh Thị Ngọc D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Minh C, anh C có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn anh Nguyễn Minh C tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh C vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên anh C đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Anh C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ

luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Ngọc D và anh Nguyễn Minh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013. Xét chị D và anh C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, pháp luật không công nhận quan hệ giữa chị D và anh C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Huỳnh Thiên L, sinh ngày 14/11/2015.

Chị D yêu cầu được quyền nuôi con. Xét thấy từ khi chị D và anh C không còn sống chung, chị D là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo; cháu L có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Huỳnh Thị Ngọc D không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Ngọc D và anh Nguyễn Minh C.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Huỳnh Thiên L, sinh ngày 14/11/2015 cho chị Huỳnh Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Minh C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Huỳnh Thiên L được sống chung với chị Huỳnh Thị Ngọc D.

Anh Nguyễn Minh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị Huỳnh Thị Ngọc D không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị D nộp theo biên lai thu số 0002882 ngày 22/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Kim Ngân